

Số: 1160/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp dữ liệu, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn Nhà nước do tỉnh Khánh Hòa quản lý**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin “Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý ngân sách của các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 964/STC-TCĐT ngày 05 tháng 4 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp dữ liệu, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn Nhà nước do tỉnh Khánh Hòa quản lý.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị Chủ đầu tư có liên quan đến công tác quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HB, VC, HLe.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Sơn Hải**

## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp cung cấp dữ liệu, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn Nhà nước do tỉnh Khánh Hòa quản lý**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 21/4/2019 của UBND tỉnh)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý vận hành và khai thác Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư PABMIS và thực hiện chế độ báo cáo vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: cập nhật dữ liệu vào hệ thống phần mềm PABMIS, lập và gửi các báo cáo theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng: Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là UBND cấp huyện); Các ban quản lý dự án, đơn vị được giao quản lý dự án; Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã)

### **Điều 2. Mục đích, yêu cầu**

1. Nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào cải tiến quy trình nghiệp vụ, giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý, từng bước phát triển sự liên kết, trao đổi thông tin trong lĩnh vực tài chính đầu tư của các đơn vị có liên quan bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Hình thành một cơ sở dữ liệu số hóa về lĩnh vực tài chính đầu tư để cung cấp thông tin phục vụ điều hành của các cấp chính quyền địa phương.

3. Yêu cầu việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị quy định của quy chế này phải tuân theo nguyên tắc phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn Nhà nước do tỉnh quản lý.

### **Điều 3. Các nguồn vốn cập nhật dữ liệu**

1. Vốn cân đối ngân sách địa phương (vốn xây dựng cơ bản tập trung, vốn thu tiền sử dụng đất).

2. Vốn trái phiếu chính phủ.

3. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà Nước.
4. Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia.
5. Vốn ngoài nước (ODA).
6. Vốn ngân sách trung ương bổ sung có Mục tiêu cho ngân sách địa phương.
7. Vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau (vốn ngân sách nhà nước, vốn Trái phiếu Chính phủ).
8. Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản.
9. Các nguồn vốn khác do tỉnh quản lý.
10. Vốn từ nguồn tăng thu ngân sách, dự phòng, tiết kiệm chi thường xuyên.

#### **Điều 4. Phạm vi các dự án cập nhật dữ liệu**

1. Các dự án phải cập nhật thông tin dữ liệu: các dự án, công trình khởi công mới; chuyển tiếp; các dự án, công trình hoàn thành chờ quyết toán; các dự án, công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán từ ngày 31/12/2018 trở về trước nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

2. Khuyến khích các đơn vị cập nhật dữ liệu các dự án đã phê duyệt quyết toán và được bố trí đủ vốn từ các năm trước để phục vụ công tác lưu trữ, tra cứu dữ liệu về dự án.

#### **Điều 5. Giải thích từ ngữ**

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phần mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư PABMIS* (sau đây gọi tắt là PABMIS) là hệ thống thông tin được thiết kế để quản lý thông tin về tài chính của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước do các cấp tỉnh, huyện và xã quản lý.

2. *Báo cáo trực tuyến* là báo cáo bằng phương thức điện tử được kết xuất trực tuyến qua mạng Internet bởi các hệ thống thông tin, người sử dụng có thể sử dụng các trình duyệt web để xem báo cáo mọi lúc, mọi nơi.

3. *Phân quyền truy cập hệ thống* là cho phép cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân truy cập vào cơ sở dữ liệu để cập nhật, báo cáo và khai thác thông tin theo quy định.

4. *Phê duyệt dữ liệu* là kiểm tra tính chính xác của các thông tin đã nhập trên hệ thống và duyệt dữ liệu theo phân quyền của hệ thống, dữ liệu sau khi duyệt chỉ người quản trị hệ thống có thẩm quyền mới sửa đổi được.

5. *Nghiệp vụ phát sinh* là các công việc liên quan đến dự án đầu tư xảy ra theo thời gian thực như: Dự án, công trình được hoàn thiện các thủ tục đầu tư (phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật – tổng dự toán,...); hoàn thành các công việc trong quá trình thực hiện, kết thúc đầu tư như: Đăng ký/phê duyệt kế hoạch vốn, nghiệm thu khối lượng A-B, kết thúc các giao dịch với cơ quan thanh toán, ký hợp đồng, ký văn bản kiểm tra/đánh giá,..

6. *Hồ sơ bản cứng* là các tài liệu được in ra giấy thông thường.

7. *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư* là các báo cáo phản ánh số liệu về vốn đầu tư được phê duyệt, được giao như: tổng mức đầu tư, tổng dự toán, kế hoạch vốn trung hạn, kế hoạch vốn hàng năm,... và tình hình thanh quyết toán vốn đầu tư.

8. *Văn bản (tài liệu)* là các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến dự án như: quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật- tổng dự toán, quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu,... và các tài liệu các mang tính chất qui định hướng dẫn chung như: luật, nghị định, thông tư, chỉ thị, qui trình quản lý nội bộ,...

## **Điều 6. Phân loại báo cáo**

1. Phân loại theo mục đích báo cáo:

a) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư theo qui định của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư theo yêu cầu quản lý của tỉnh;

2. Phân loại theo kỳ báo cáo:

a) Báo cáo tháng.

b) Báo cáo quý.

c) Báo cáo 6 tháng.

d) Báo cáo năm.

đ) Báo cáo giữa kỳ trung hạn (2,5 năm).

e). Báo cáo trung hạn (5 năm).

3. Phân loại theo hình thức báo cáo:

a) Báo cáo trực tuyến.

b) Báo cáo bằng văn bản.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 7. Qui trình cập nhật thông tin trên PABMIS**

1. Các ban quản lý dự án, các đơn vị được giao là chủ đầu dự án từ cấp tỉnh đến cấp xã cập nhật trên PABMIS các thông tin sau:

a) Cập nhật các thông tin về các danh mục sau:

- Dự án, hạng mục công trình (gói thầu).

- Hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

- Nhà cung cấp (nhà thầu).
- Văn bản (tài liệu): cập nhật các thông tin về văn bản và đính kèm bản quét màu từ văn bản gốc hoặc văn bản điện tử có chữ ký số chuyên dùng.
- b) Cập nhật số liệu về tình hình thực hiện kế hoạch vốn, bao gồm:
  - Quyết định phê duyệt tổng mức đầu tư ban đầu và các lần bổ sung, điều chỉnh.
  - Quyết định phê duyệt tổng dự toán ban đầu và các lần bổ sung, điều chỉnh.
  - Giá trị nghiệm thu A-B của từng dự án, hạng mục công trình.
  - Giá trị giải ngân của từng dự án, hạng mục công trình.
  - Giá trị quyết toán của từng dự án, hạng mục công trình hoàn thành.
- c) Cập nhật số liệu về hồ sơ và báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, bao gồm:
  - Tờ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (QTDAHT).
  - Danh mục và nội dung các tài liệu kèm theo hồ sơ QTDAHT.
  - Số liệu về các báo cáo đề nghị quyết toán của chủ đầu tư theo qui định tại thông tư 09/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

d) Cập nhật các dữ liệu về kế hoạch vốn và tình hình thực hiện kế hoạch vốn:

- Kế hoạch vốn giao hàng năm.
- Kế hoạch vốn trung hạn.

2. Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện cập nhật các thông tin sau:

a) Cập nhật số liệu như qui định tại điều 7 mục 1 ở trên thay cho chủ đầu tư là UBND cấp xã trong trường hợp UBND cấp xã chưa đủ năng lực thực hiện hoặc đối với dự án cụ thể do huyện quản lý.

b) Kiểm tra việc cập nhật các dữ liệu về kế hoạch và tình hình thực hiện kế hoạch vốn:

- Kế hoạch vốn trung hạn.
- Kế hoạch vốn giao hàng năm.

c) Cập nhật các thủ tục hành chính về quyết toán dự án hoàn thành của các dự án do cấp huyện quản lý, bao gồm:

- Phiếu giao nhận hồ sơ.
- Phiếu bổ sung hồ sơ.
- Phiếu hoàn thiện hồ sơ.
- Phiếu trả lại hồ sơ.
- Báo cáo thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
- Tờ trình UBND huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Và các thủ tục khác (nếu có) liên quan đến thủ tục quyết toán dự án hoàn thành.

d) Đối chiếu số liệu kế hoạch vốn và số giải ngân với Kho Bạc huyện; phê duyệt, tổng hợp, đối chiếu và cân đối tất cả các dữ liệu do UBND cấp xã, các Ban quản lý dự án, đơn vị Chủ đầu tư cấp huyện đã cập nhật trên hệ thống.

đ) Cập nhật Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do UBND huyện phê duyệt.

### 3. Sở Tài chính cập nhật các thông tin sau:

a) Cập nhật số liệu như qui định tại điều 7 mục 1 ở trên thay cho chủ đầu tư chưa đủ năng lực thực hiện đối với dự án cụ thể do cấp tỉnh quản lý.

b) Cập nhật các thông tin về các danh mục sau:

- Dự án: cập mã số dự án đầu tư cho từng dự án

- Nguồn vốn: Thiết lập, cập nhật và ban hành danh mục nguồn vốn đầu tư sử dụng chung trên hệ thống.

- Khoản chi: Thiết lập, cập nhật và ban hành danh mục các khoản Mục chi đầu tư sử dụng chung trên hệ thống.

- Chương trình Mục tiêu Quốc gia: Cập nhật danh sách các chương trình Mục tiêu Quốc gia theo qui định hiện hành.

- Chương trình Trung ương bổ sung có mục tiêu: cập nhật danh sách các Chương trình Trung ương bổ sung có mục tiêu hàng năm theo qui định hiện hành.

- Đơn vị: Cập nhật danh sách các ban quản lý dự án, chủ đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh, nhập mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho từng đơn vị.

- Huyện: Cập nhật danh sách các huyện của tỉnh

- Xã: Cập nhật danh sách các xã/phường/thị trấn của tỉnh

- Và một số danh mục, các tham thiết lập chung cho toàn bộ hệ thống.

c) Kiểm tra việc cập nhật các dữ liệu về kế hoạch và tình hình thực hiện kế hoạch vốn:

- Kế hoạch vốn giao hàng năm.

- Kế hoạch vốn trung hạn.

d) Cập nhật các thủ tục hành chính về quyết toán dự án hoàn thành của các dự án do cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

- Phiếu giao nhận hồ sơ.

- Phiếu bổ sung hồ sơ.

- Phiếu hoàn thiện hồ sơ.

- Phiếu trả lại hồ sơ.

- Báo cáo thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
- Tờ trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.
- Và các thủ tục khác (nếu có) liên quan đến thủ tục quyết toán dự án hoàn thành.

đ) Đối chiếu số liệu kế hoạch vốn và số giải ngân với Kho Bạc tỉnh; phê duyệt, tổng hợp, đối chiếu và cân đối tất cả các dữ liệu do các Ban Quản lý dự án, đơn vị Chủ đầu tư cấp tỉnh đã cập nhật trên hệ thống.

e) Cập tài khoản (account) và phân quyền cho các đơn vị truy cập hệ thống để cập nhật và khai thác dữ liệu.

g) Cập nhật Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do UBND tỉnh phê duyệt.

### **Điều 8. Các báo cáo trên PABMIS**

1. Nội dung Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư được quy định tại các thông tư sau:

a) Thông tư số 85/2017/TT-BTC, ngày 15/8/2017 về Thông tư quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm.

b) Thông tư số 82/2017/TT-BTC, ngày 15/8/2017 Quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

c) Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

d) Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

đ) Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

e) Thông tư số 195/2012/TT-BT ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

g) Thông tư 22/2015/TT-BTC, ngày 12/02/2015 của Bộ Tài chính quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trên địa bàn các huyện nghèo và huyện có tỷ lệ nghèo cao.

h) Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

i) Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT, ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 38/2013/NĐ-CP về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

k) Và các Thông tư khác của Bộ Tài chính.

2. Các mẫu biểu về qui trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

3. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư đầu tư theo yêu cầu quản lý của tỉnh.

### **Điều 9. Thời gian cập nhật dữ liệu trên PABMIS**

1. Các Ban quản lý dự án, đơn vị được giao dự án đầu tư cập nhật dữ liệu tối đa trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ. Đối với công việc quyết toán dự án hoàn thành yêu cầu đơn vị cập nhật và nộp hồ sơ quyết toán (các biểu mẫu theo quy định của Bộ Tài chính) trên hệ thống qua mạng internet trước thời hạn 05 ngày làm việc so với hạn nộp hồ sơ bản cứng theo qui định hiện hành của Bộ Tài chính và Sở Tài chính (nếu có) về công tác này.

#### **2. Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện:**

a) Đối với việc cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi của Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện (qui định tại Điều 7, Mục 2, Điểm a, Điểm b) cập nhật tối đa trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được số liệu đầy đủ hồ sơ, tài liệu do UBND cấp xã hoặc chủ đầu tư các dự án cụ thể cung cấp hoặc kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ.

b) Đối với việc cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi của Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện (qui định tại Điều 7, Mục 2, Điểm d) hoàn thành tối đa trước ngày 10 hàng tháng đối với các nghiệp vụ phát sinh của tháng trước đó.

c) Đối với việc cập nhật dữ liệu về các thủ tục hành chính về quyết toán dự án hoàn thành (qui định tại Điều 7, Mục 2, Điểm c): cập nhật và in phiếu giao nhận hồ sơ trực tiếp từ hệ thống ngay tại thời Điểm nộp hồ sơ bản cứng của đơn vị, cập nhật quá trình xử lý và trả kết quả theo đúng thời qui định hiện hành của Bộ Tài chính hoặc Sở Tài chính (nếu có) về công tác quyết toán dự án hoàn thành.

#### **3. Sở Tài chính:**

a) Đối với việc cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi của Sở Tài chính qui định qui định tại Điều 7, Mục 3, Điểm a cập nhật tối đa trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được số liệu đầy đủ hồ sơ, tài liệu do chủ đầu tư các dự án cụ thể cung cấp hoặc kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ.

b) Đối với việc cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi của Sở Tài chính qui định tại Điều 7, Mục 3, Điểm đ hoàn thành tối đa trước ngày 10 hàng tháng đối với các nghiệp vụ phát sinh của tháng trước đó.

c) Đối với việc cập nhật dữ liệu về các thủ tục hành chính về quyết toán dự án hoàn thành: cập nhật và in phiếu giao nhận hồ sơ trực tiếp từ hệ thống ngay tại thời Điểm nộp hồ sơ bản cứng của đơn vị, cập nhật quá trình xử lý và trả kết quả theo đúng thời qui định hiện hành của Bộ Tài chính hoặc Sở Tài chính (nếu có) về công tác quyết toán dự án hoàn thành.



4. Cập nhật Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt.

#### **Điều 10. Thời gian báo cáo**

1. Đối với báo cáo trực tuyến:

a) Báo cáo tháng: Trước ngày 10 hàng tháng;

b) Báo cáo quý và 6 tháng: Trước ngày 10 của tháng cuối quý;

c) Báo cáo năm: Báo cáo sơ bộ trước ngày 20 tháng 12 và báo cáo chính thức trước ngày 31 tháng 01 của năm sau.

2. Đối với báo cáo bằng văn bản: Theo qui định của văn bản cụ thể.

#### **Điều 11. Hình thức báo cáo**

Tất cả các báo cáo đều áp dụng hình thức báo cáo trực tuyến thay thế cho hình thức báo cáo bằng văn bản, trừ những trường hợp sau đây ngoài hình thức báo cáo trực tuyến còn áp dụng hình thức báo cáo bằng văn bản:

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn qui định tại Điều 8, Mục 1 có cơ quan nhận báo cáo là Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

2. Mẫu biểu về qui trình thẩm tra quyết báo dự án hoàn thành qui định tại Điều 8, Mục 2.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các ngành, các cấp, đơn vị liên quan**

1. Văn phòng UBND tỉnh/huyện:

a) Khai thác các thông tin trên hệ thống PABMIS để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh/huyện.

b) Đôn đốc, chỉ đạo cơ quan quản lý tài chính cùng cấp, các chủ đầu tư, các cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy định quản lý vận hành PABMIS.

c) Yêu cầu cơ quan tài chính tạm dừng cấp dự toán theo kế hoạch hoặc tạm dừng việc thanh toán vốn đầu tư cho tới khi các đơn vị cập nhật và tổng hợp được đầy đủ báo cáo theo yêu cầu.

2. Cơ quan quản tài chính các cấp:

a) Cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin theo đúng qui định tại Điều 7 Mục 2 (Phòng Tài chính), Điều 7 Mục 3 (Sở Tài chính) và Điều 9 Mục 4 của qui chế này.

b) Hàng tháng/quý/6 tháng/năm chịu trách nhiệm phối hợp cùng các Ban quản lý dự án, chủ đầu tư, KBNN đối chiếu, cân đối số liệu đã nhập trên hệ thống để hoàn thành việc kết xuất các báo cáo theo đúng thời gian qui định tại Điều 10 của qui chế này.

c) Sở Tài chính cung cấp tài khoản, phân quyền truy cập hệ thống, hướng dẫn và xử lý các tình huống trong quá trình vận hành PABMIS khi các đơn vị có yêu cầu.

d) Sở Tài chính đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để phục vụ cho việc quản lý, vận hành và khai thác PABMIS; quy định các nội dung liên quan đến việc bảo mật và an toàn thông tin; sửa chữa và đề xuất các phương án khắc phục sự cố; nghiên cứu nâng cấp tính năng khi chế độ báo cáo của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,... có thay đổi, bổ sung.

đ) Hàng năm tổ chức việc kiểm tra, đánh giá hiệu quả của Hệ thống PABMIS khi triển khai đưa vào khai thác sử dụng.

e) Trường hợp các đơn vị không thực hiện việc cập nhật đầy đủ dữ liệu về các dự án được giao quản lý trên Hệ thống PABMIS theo thời gian quy định thì:

- Không nhận hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

- Tạm dừng việc thực hiện việc nhập giao dự toán trên Hệ thống Tabmis hoặc yêu cầu KBNN tạm đình chỉ việc thanh toán vốn đầu tư cho đến khi nhận được đầy đủ báo cáo.

- Báo cáo UBND tỉnh/huyện xem xét chưa giao kế hoạch vốn.

g) Hướng dẫn cập nhật dữ liệu, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống PABMIS để các Ban quản lý dự án, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện.

### 3. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện:

Trường hợp các Ban quản lý dự án, đơn vị không thực hiện việc cập nhật số liệu trên hệ thống PABMIS theo thời gian quy định thì tạm dừng việc tạm ứng, thanh toán cho đến khi Ban quản lý dự án, đơn vị cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định.

### 4. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh :

a) Có trách nhiệm phối hợp với các Ban quản lý dự án, đơn vị chủ đầu tư trong phạm vi quản lý của ngành thực hiện tốt quy chế này.

b) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính tổ chức khai thác hệ thống tốt và đạt hiệu quả cao.

### 5. Trách nhiệm của các Ban quản lý dự án và Chủ đầu tư :

a) Hàng tuần cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin theo đúng qui định tại Điều 7 Điểm 1 và Điều 9 Mục 3 của qui chế này.

b) Hàng tháng/quý/6 tháng/năm chịu trách nhiệm phối hợp cùng các cơ quan tài chính, cơ quan chủ đầu tư đối chiếu, cân đối số liệu đã nhập trên hệ thống để hoàn thành việc kết xuất các báo cáo theo đúng thời gian qui định tại Điều 10 của qui chế này.

## Điều 13: Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quyết định này.

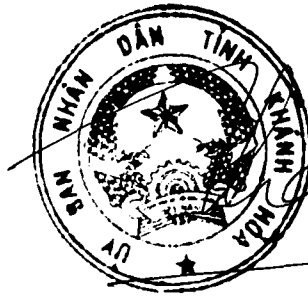
2. Căn cứ quy chế này, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án và các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh triển khai thực hiện.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm đôn đốc kiểm tra các chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án và các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị có văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, nghiên cứu báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Sơn Hải**